

Bản án số: 03/2023/HC-ST

Ngày 31-5-2023

V/v: Khiếu kiện quyết định, hành  
vi hành chính trong quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Việt Phương

Bà Vũ Hồng Lĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 31-5-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2023/TLST-HC ngày 24 tháng 02 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HC ngày 26-4-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐ-ST ngày 16-5-2023, giữa các đương sự:

**1 - Người khởi kiện:** - Ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị A

Cùng địa chỉ: Tổ 9, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái;

Tạm trú tại: Thôn PT, xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, đều có mặt;

- Ông Nguyễn Khắc D và bà Phí Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Khắc D và bà Phí Thị H là ông Nguyễn Chí T (Văn bản uỷ quyền ngày 09-01-2023) có mặt;

**2 - Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Y

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc B- Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Việt Đ - Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền ngày 30-01-2023), vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

3 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã GP, thành phố Y;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức L - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Lê V - Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 08-3-2023), có mặt;

- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Y;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thu E - Giám đốc, vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2023 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện là ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A và ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H cùng thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A cùng ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H (Viết tắt là ông T - A) sử dụng đất ở, đất vườn, ao gắn liền đất ở tại Thôn PT, xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thị X ngày 04-3-2020. Trước đó, ngày 05-9-2012 ông Nguyễn Trọng N và bà Nguyễn Thị X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Viết tắt là QSDĐ) của ông Trần Văn C và bà Vũ Thị K gồm:

- Diện tích đất ở nông thôn 80,7m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thành phố Y cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700876, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00157 ngày 28-10-2011.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 470,4m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố Y cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700875, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00156 ngày 28-10-2011.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 224,9m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố Y cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700873, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00154 ngày 28-10-2011.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản 63,4m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố Y cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700870, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00154 ngày 28-10-2011.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 159,2m<sup>2</sup> đã được UBND thành phố Y cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700871, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00152 ngày 28-10-2011.

Ngày 14-3-2022, UBND thành phố Y ban hành Thông báo thu hồi đất số 285 thu toàn bộ diện tích đất ở 80,7m<sup>2</sup>; 365,9m<sup>2</sup> đất LNK tại giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700875, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00156 và 43,7m<sup>2</sup> đất

NTS tại giấy chứng nhận QSDĐ số: BG 700871, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 00152.

Tại thời điểm thu hồi đất, trên thửa đất ở có 01 ngôi nhà khung sắt, mái lợp tôn, diện tích xây dựng là 27,2m<sup>2</sup>. Trên diện tích đất vườn liền kề đất ở có 01 căn nhà xây, mái lợp tôn xộp vì kèo sắt, diện tích xây dựng là 66,96m<sup>2</sup> và 01 nhà khung sắt, mái lợp tôn vì kèo sắt có diện tích xây dựng là 63,6m<sup>2</sup>, nhà vệ sinh + bể phốt, máy điều hoà, giếng khoan 02 cái, hệ thống điện chiếu sáng.

Ngày 31-10-2022, UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 4142/QĐ-UBND (Viết tắt là Quyết định 4142) về việc thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y (Km 79+00 - Km 96+500) địa điểm xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích đất bị thu hồi là toàn bộ đất ở 80,7m<sup>2</sup>; 365,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 43,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản. Quyết định số 4147/QĐ-UBND (Viết tắt là Quyết định 4147) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi bằng tiền là 574.900.520 đồng; bồi thường hỗ trợ công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất thu hồi là 353.511.842 đồng (gồm có 03 căn nhà và công trình phụ trợ khác).

Trước đó, ngày 15-10-2022, ông T - A nhận được Thông báo số 571/TB-TTPTQĐ (Viết tắt là Thông báo 571) ngày 12-10-2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Y thông báo cho ông T - A: Không đủ điều kiện bố trí tái định cư do thực tế không sinh sống thường xuyên tại thửa đất này. Ngay sau đó, ông T - A đã có đơn đề nghị xem xét lại việc tái định cư của gia đình đồng thời cung cấp đơn xác nhận nộp tiền điện hàng tháng, giấy xác nhận cư trú thường xuyên được Công an xã GP xác nhận nhưng không được UBND thành phố Y xem xét, bố trí tái định cư cho gia đình.

Đến ngày 08-12-2022, UBND thành phố Y trả lời tại Văn bản số 2887/UBND-TNMT (Viết tắt là Văn bản 2887) đã ghi: “*Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở, không di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư*” để làm lý do không bố trí tái định cư cho gia đình là trái với quy định của pháp luật.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông T - A yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết những nội dung cụ thể sau đây:

- Huỷ bỏ Văn bản số: 2887/UBND-TNMT ngày 08-12-2022 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân.

- UBND thành phố Y thực hiện bố trí tái định cư cho gia đình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

*Tại Bản tự khai ngày 06-3-2023 và lời khai tiếp theo người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là ông Trần Việt Đ trình bày: UBND thành phố Y không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, bởi lý do sau:*

UBND thành phố Y nhận được đơn của ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị A, địa chỉ: Thôn PT, xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; ông Nguyễn Khắc D và bà Phí Thị H, địa chỉ: Tổ 2, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Nội dung đơn: Ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D đồng sử dụng thửa đất tại Thôn PT, xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái thuộc diện thu hồi thực hiện công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y và đã có công trình nhà trên đất do chủ cũ để lại từ năm 1986. Hiện gia đình ông không được xét tái định cư. Ông Nguyễn Chí T đề nghị trả lời việc bố trí tái định cư cho ông được biết.

Ngày 08-12-2022, UBND thành phố Y đã ban hành Văn bản 2887 về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Khắc D, nội dung trả lời như sau: Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y đối với ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) đồng sử dụng với ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H), ông Nguyễn Chí T bị thu hồi 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 365,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 43,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thuỷ sản tại xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, thửa đất ở thu hồi có nhà khung sắt. Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái gồm 04 nhân khẩu, có sổ tạm trú tại xã GP. Ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H) có hộ khẩu thường trú tại tổ 2, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái có 05 nhân khẩu.

Ngày 31-10-2022, UBND thành phố Y ban hành Quyết định 4142 về việc thu hồi diện tích đất 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 409,6m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) và ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H) là đồng sử dụng thuộc thửa đất số 62, 52, 61, 67 thuộc Mảnh đo đạc điều chỉnh thu hồi đất số 26-2022 tại xã GP, thành phố Y.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai, hiện nay các công trình giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Y đều thực hiện bồi thường về đất bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm thu hồi đất, không thực hiện bồi thường về đất bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi do không có đất để bồi thường.

Căn cứ khoản 1 Điều 83, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 86 của Luật Đất đai về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; căn cứ Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Đơn đề nghị xét tái định cư của ông T - A. Ngày 26-8-2022, UBND thành phố Y đã tổ

chức họp xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Tại buổi họp xét tái định cư, đại diện UBND xã GP có ý kiến: Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở không phải di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống thường xuyên tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Trên cơ sở báo cáo về quá trình thu hồi đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; ý kiến của UBND xã GP tại buổi làm việc; đối chiếu với các quy định của Luật Đất đai và Nghị định 47, các thành phần tham dự họp đều thống nhất ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) và ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H) không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

Để đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai, ngày 12-10-2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã có Thông báo 571 về danh sách và kết quả xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Ngày 15-10-2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã GP mời các hộ có đất thu hồi để công khai kết quả xét tái định cư công trình.

UBND thành phố Y đã ban hành Văn bản số 2887/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A và ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND thành phố Y không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản tự khai ngày 17-4-2023, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức L trình bày:* Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y đối với ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng ông Nguyễn Khắc D. Ông Nguyễn Chí T dự án thu hồi 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 365,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 43,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản. Trên thửa đất thu hồi có nhà khung sắt. Ông Nguyễn Chí T có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái gồm 04 nhân khẩu, có sổ tạm trú tại xã GP. Ông Nguyễn Khắc D có hộ khẩu thường trú tại tổ 2, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái, có 05 nhân khẩu. Ngày 31-10-2022, UBND thành phố Y ban hành Quyết định 4142 về việc thu hồi diện tích 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 409,6m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D là đồng sử dụng thuộc thửa đất số 62, 52, 61, 67 thuộc Mảnh đo đạc điều chỉnh thu hồi đất số 26-2022 tại xã GP, thành phố Y.

Căn cứ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn đề nghị xét tái định cư của ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D. Ngày 26-8-2022, UBND thành phố Y đã tổ chức họp xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Căn cứ kết quả cuộc họp hộ ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D trên thửa đất bị thu hồi không được cấp tái định cư. Ngày 12-10-2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã có Thông báo

571 thông báo về danh sách và kết quả xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Ngày 15-10-2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã GP mời các hộ có đất thu hồi để công khai kết quả xét tái định cư công trình.

\* Quan điểm của UBND xã GP, thành phố Y: Căn cứ và hồ sơ địa chính được lưu giữ tại UBND xã GP và giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H. UBND xã GP đã kiểm tra hồ sơ và các giấy tờ thu thập có liên quan thì chỉ có ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị A có sổ tạm trú tại địa phương (theo xác nhận của Công an xã GP), ông Nguyễn Chí T có đất ở bị thu hồi, có nhà trên đất và không còn đất ở, nhà ở nào khác tại địa phương nơi có đất bị thu hồi. Còn đối với hộ ông Nguyễn Khắc D và bà Phí Thị H đồng sở hữu với hộ ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị A trên thửa đất bị thu hồi thì hộ ông Nguyễn Khắc D không có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại địa phương, bị thu hồi đất ở, nhà ở và không còn đất ở, chỗ ở nào khác tại địa phương nơi có đất bị thu hồi. Đối với việc hộ ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D không được xét tái định cư do UBND thành phố Y xét tái định cư dự án công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y ngày 16-8-2022 là có căn cứ. UBND xã GP đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*Tại Bản tự khai ngày 06-4-2023, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thu E trình bày: Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H) thuộc diện thu hồi đất thực hiện công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y tại Thôn PT, xã GP, thành phố Y.*

Căn cứ Biên bản kiểm kê, nguồn gốc sử dụng đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được UBND thành phố Y phê duyệt, cụ thể:

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H) thuộc diện thu hồi 80,7m<sup>2</sup> đất ở (giấy chứng nhận chính lý trang 4 ngày 04-3-2020 - hết diện tích đất ở trong giấy chứng nhận QSDĐ); 365,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (giấy chứng nhận chính lý trang 4 ngày 04-3-2020 - diện tích còn lại ngoài phạm vi thu hồi 104,5m<sup>2</sup> trong giấy chứng nhận QSDĐ); 43,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản (giấy chứng nhận chính lý trang 4 ngày 04-3-2020 - diện tích còn lại ngoài phạm vi thu hồi 115,5m<sup>2</sup> trong giấy chứng nhận QSDĐ) tại xã GP, thành phố Y.

- Về tài sản, vật kiến trúc gắn liền trên đất thu hồi: Trên thửa đất thu hồi có nhà khung sắt, mái lợp tôn vì kèo sắt, tường lợp gỗ, nền bê tông đổ sỏi tại chỗ, một mặt thiếu bức tường, diện tích nhà 27m<sup>2</sup>. Trên thửa đất loại cây lâu năm có 01 nhà xây gạch chỉ thì một phần nằm trong biên thu hồi, một phần vùng ảnh

hường; 01 nhà khung sắt, mái lợp tôn vì kèo sắt, tường lợp gỗ, nền bê tông đổ sỏi tại chỗ dày, ngoài vách tôn, trong ốp gỗ.

Căn cứ Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn đề nghị xét tái định cư của ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D. Ngày 26-8-2022, UBND thành phố Y đã tổ chức họp xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Tại buổi họp xét tái định cư, đại diện UBND xã GP có ý kiến: Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở không phải di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống thường xuyên tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

Để đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 83 của Luật Đất đai: *“Việc hỗ trợ phải đảm bảo khách quan, công bằng, kịp thời, công khai và đúng quy định của pháp luật”*. Ngày 12-10-2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã có Thông báo số 571 thông báo về danh sách và kết quả xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Ngày 15-10-2022, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã GP mời các hộ có đất thu hồi để công khai kết quả xét tái định cư công trình.

\* Quan điểm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Y: Căn cứ Điều 86 của Luật Đất đai quy định: *“Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở”*. Trong luật chưa cụ thể hoá, giải thích rõ cụm từ *“phải di chuyển chỗ ở”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Cư trú năm 2020: *“Chỗ ở hợp pháp là nơi được sử dụng để sinh sống, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của công dân, bao gồm nhà ở, tàu thuyền, phương tiện khác có khả năng di chuyển hoặc chỗ ở khác theo quy định của pháp luật”*. Các quy định nêu trên có vướng mắc, dẫn đến những người thực hiện đang có cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất về quan điểm giữa 2 Luật thế nào là *“phải di chuyển chỗ ở”*. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở, hiện nay Quỹ đất thuộc hạng mục Khu tái định cư số 1B của dự án còn dôi dư nếu ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D do Nhà nước thu hồi hết đất ở, có nhà trên đất ở và đất nông nghiệp. Nếu 02 cặp vợ chồng cùng có nguyện vọng được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thì căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Y đề nghị Quý Toà xét xử cho ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D được giao 01 thửa đất ở tại nông thôn với hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất tại hạng mục Khu tái định cư số 1B, thôn Đông Thịnh, xã GP của dự án nâng cấp Quốc lộ 32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y theo phân thửa chi tiết đã được phê duyệt. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do người khởi kiện là ông T - A đã có đơn từ chối đối thoại, các đương sự khác trong vụ án cũng đồng ý không đối thoại nên Tòa án không thể tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 135 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án không tiến hành đối thoại vụ án.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong hồ sơ đã có lời khai vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, của các đương sự từ khi thụ lý vụ án sơ thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 116, điểm c, g khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 2 và Điều 11 của Luật Cư trú; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T - A, hủy bỏ Văn bản số: 2887/UBND-TNMT ngày 08-12-2022 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân; buộc UBND thành phố Y phải thực hiện bố trí tái định cư cho ông T - A theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: UBND thành phố Y phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện là ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A và ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết: Hủy bỏ Văn bản số 2887/UBND-TNMT ngày 08-12-2022 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân và yêu cầu UBND thành phố Y thực hiện bố trí tái định cư cho gia đình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ là khiếu kiện quyết định, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai của cơ quan quản lý Nhà nước (quyết định, hành vi hành chính của UBND thành phố Y, tỉnh Yên Bái) đồng thời là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái thụ lý và giải quyết là đúng



thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

\* Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Quyết định 4142/QĐ- UBND ngày 31-10-2022 của UBND thành phố Y về việc thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y (Km 79+00 - Km 96+500) địa điểm xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Theo đó, tại Quyết định 4142 thì ông T - A bị thu hồi 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 365,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 43,7m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản tại xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Mặc dù, ông T - A đã có đơn đề nghị được xem xét tái định cư, nhưng không được UBND thành phố Y chấp nhận.

Sau khi nhận được Văn bản 2887 của UBND thành phố Y với nội dung: “ Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở, không di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư”. Do không nhất trí với nội dung trả lời nêu trên nên ông T - A đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Như vậy, theo quy định về thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì ông T - A đã thực hiện việc khởi kiện đúng quy định của pháp luật.

\* Về người tham gia tố tụng: Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 06/2023/TBTL-HC ngày 24-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bao gồm: UBND xã GP, thành phố Y và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Y. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Y không liên quan đến vụ án cần được đưa ra khỏi vụ án và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Y là cơ quan chuyên môn trực tiếp liên quan đến phương án giải phóng mặt bằng, hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông T - A. Do đó, việc đưa Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là cần thiết.

[2] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Văn bản số 2887/UBND-TNMT ngày 08-12-2022 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân và nội dung khởi kiện của ông T - A:

Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UB ngày 31-12-2015 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Tiểu dự án GPMB đoạn Km87+150 - Km96+500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y (Km 79+00 - Km 96+500), tỉnh Yên Bái; Quyết định số 505/QĐ-UB ngày 15-3-2021 của UBND thành phố Y phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, giải phóng mặt bằng dự án; đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y (Km 79+00 - Km 96+500), địa điểm: Xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Quyết định 4142 của UBND thành phố Y về việc thu

hồi diện tích đất ở, đất nông nghiệp của ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D là đồng sử dụng thì ông T - A thuộc diện phải di chuyển để phục vụ xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y (Km 79+00 - Km 96+500), tỉnh Yên Bái. Theo đó, tại Quyết định 4142 đã thu hồi diện tích đất 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 409,6m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D là đồng sử dụng thuộc thửa đất số 62, 52, 61, 67 thuộc Mảnh đo đạc điều chỉnh thu hồi đất số 26-2022 tại xã GP, thành phố Y. Quyết định 4147 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi bằng tiền là 574.900.520 đồng; bồi thường hỗ trợ công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất thu hồi là 353.511.842 đồng (gồm có 03 căn nhà và công trình phụ trợ khác). Ông T - A đã nhận đủ số tiền bồi thường, không thắc mắc, khiếu kiện gì về phương án cũng như số tiền được bồi thường. Tuy nhiên, do ông T - A bị thu hồi toàn bộ diện tích 80,7m<sup>2</sup> đất ở và thuộc “trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi” nên ông T - A có đơn yêu cầu được bố trí tái định cư nhưng không được UBND thành phố Y chấp nhận. Tại Văn bản 2887, UBND thành phố Y trả lời ông T - A với nội dung như sau: “Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở, không di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Không nhất trí với nội dung trả lời nêu trên, ông T - A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ bỏ Văn bản 2887 về việc trả lời công dân và yêu cầu UBND thành phố Y thực hiện bố trí tái định cư cho gia đình.

Như vậy, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, UBND thành phố Y đã ban hành Văn bản 2887 về việc trả lời công dân đối với trường hợp ông Nguyễn Chí T đồng sở hữu là ông Nguyễn Khắc D thuộc diện thu hồi đất ở, đất nông nghiệp để phục vụ xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y (Km 79+00 - Km 96+500), xã GP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

\* Về tính hợp pháp của Văn bản 2887 về việc trả lời công dân: Căn cứ khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai, hiện nay các công trình giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Y đều thực hiện bồi thường về đất bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm thu hồi đất, không thực hiện bồi thường về đất bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi do không có đất để bồi thường. Căn cứ khoản 1 Điều 83, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 86 của Luật Đất đai về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; căn cứ Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Đơn đề nghị xét tái định cư của ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng ông Nguyễn Khắc D. Ngày 26-8-2022, UBND thành phố Y đã tổ chức họp xét tái định cư công trình nâng cấp Quốc lộ

32C đoạn Hiền Lương - thành phố Y. Tại buổi họp xét tái định cư, đại diện UBND xã GP có ý kiến: Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở không phải di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống thường xuyên tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Trên cơ sở báo cáo về quá trình thu hồi đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; ý kiến của UBND xã GP tại buổi làm việc; đối chiếu với các quy định của Luật Đất đai và Nghị định 47 của Chính phủ, các thành phần tham dự họp đều thống nhất ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) và ông Nguyễn Khắc D (vợ là Phí Thị H) không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Do đó, tại Văn bản 2887 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân đối với ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A, ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H với nội dung: “*Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở, không di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư*”.

Trước đó, ngày 31-10-2022, UBND thành phố Y ban hành Quyết định 4142 về việc thu hồi diện tích đất 80,7m<sup>2</sup> đất ở; 409,6m<sup>2</sup> đất nông nghiệp của ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Khắc D là đồng sử dụng thuộc thửa đất số 62, 52, 61, 67 thuộc Mảnh đo đạc điều chỉnh thu hồi đất số 26-2022 tại xã GP, thành phố Y. Theo đó, ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D thuộc diện thu hồi 80,7m<sup>2</sup> đất ở (*giấy chứng nhận chính lý trang 4 ngày 04-3-2020 - hết diện tích đất ở trong giấy chứng nhận QSDĐ*). Trên thửa đất ở thu hồi có nhà khung sắt, mái lợp tôn vì kèo sắt, tường lợp gỗ, nền bê tông đổ sỏi tại chỗ, một mặt thiếu bức tường, diện tích nhà 27m<sup>2</sup>. Ngoài ra, trên thửa đất cây lâu năm có 01 nhà xây gạch chỉ thì một phần nằm trong biên thu hồi, một phần vùng ảnh hưởng và 01 nhà khung sắt, mái lợp tôn vì kèo sắt, tường lợp gỗ, nền bê tông đổ sỏi tại chỗ dày, ngoài vách tôn, trong ốp gỗ. Ông Nguyễn Chí T (có sổ tạm trú tại xã GP) đồng sử dụng là ông Nguyễn Khắc D (không có sổ tạm trú tại xã GP) không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã GP, thuộc trường hợp phải “*di chuyển chỗ ở*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai và Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Khoản 1 Điều 2 của Luật Cư trú quy định như sau: “*Chỗ ở hợp pháp là nơi được sử dụng để sinh sống, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của công dân, bao gồm nhà ở, tàu thuyền, phương tiện khác có khả năng di chuyển hoặc chỗ ở khác theo quy định của pháp luật*”.

Tại Điều 11 của Luật Cư trú đã quy định: “*Nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú*”.

Ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị A “*đã đăng ký tạm trú và có thời gian liên tục sinh sống tại Thôn PT, xã GP*” theo xác nhận của Công an xã GP, thành

phổ Y tại Đơn xin xác nhận ngày 14-10-2020 của ông Nguyễn Chí T là đúng thực tế.

Như vậy, việc UBND thành phố Y căn cứ khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai, khoản 1 Điều 83, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 86 của Luật Đất đai về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở và Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; căn cứ Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Đơn đề nghị xét tái định cư của ông Nguyễn Chí T. Trên cơ sở báo cáo về quá trình thu hồi đất của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; ý kiến của UBND xã GP tại buổi làm việc xét tái định cư ngày 26-8-2022; đối chiếu với các quy định của Luật Đất đai và Nghị định 47, các thành phần tham dự họp đều thống nhất ông Nguyễn Chí T đồng sử dụng ông Nguyễn Khắc D không đủ điều kiện bố trí tái định cư, bởi lý do: *“Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở không phải di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống thường xuyên tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư”* là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 và Điều 11 của Luật Cư trú như đã viện dẫn nêu trên. Mặt khác, việc UBND thành phố Y ban hành Văn bản 2887 về việc trả lời công dân đối với gia đình ông T - A với nội dung: *“Ông Nguyễn Chí T (vợ là Phan Thị A) thu hồi đất ở, không di chuyển chỗ ở, thực tế không sinh sống tại thửa đất thu hồi, không đủ điều kiện bố trí tái định cư”* là mâu thuẫn với nội dung xác nhận ngày 14-10-2020 của cơ quan thực hiện quản lý Nhà nước về cư trú tại địa phương là Công an xã GP, thành phố Y. Tuy trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Văn bản 2887 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân đối với ông T - A là đúng nhưng nội dung trả lời nêu trên không đúng thực tế, không đúng quy định của pháp luật về cư trú và điều kiện xét tái định cư theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 47 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

\* Đối với ông Nguyễn Khắc D và bà Phí Thị H, mặc dù là đồng sử dụng các thửa đất cùng với ông Nguyễn Chí T và bà Phan Thị A nhưng ông D, bà H không có sổ tạm trú và không sinh sống thường xuyên tại xã GP, thành phố Y nên không đủ điều kiện để xem xét bố trí tái định cư theo quy định của Luật Đất đai và Nghị Định 47 của Chính phủ là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy, việc người khởi kiện là ông T - A yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết: Huỷ bỏ Văn bản 2887 của UBND thành phố Y về việc trả lời công dân và yêu cầu UBND thành phố Y thực hiện bố trí tái định cư cho ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp cần được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên ông T - A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND thành phố Y, tỉnh Yên Bái phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 74, khoản 1 và 2 Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83, Điều 86 của Luật Đất đai; Điều 22 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 2 và Điều 11 của Luật Cư trú; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A và ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H về việc yêu cầu Toà án giải quyết huỷ bỏ Văn bản số: 2887/UBND-TNMT ngày 08-12-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Y về việc trả lời công dân và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái phải thực hiện bố trí tái định cư cho gia đình.

2. Huỷ Văn bản số: 2887/UBND-TNMT ngày 08-12-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Y về việc trả lời công dân ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A và ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H.

3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái phải thực hiện sắp xếp, bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A khi Nhà nước thu hồi đất để phục vụ xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương - thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Chí T, bà Phan Thị A và ông Nguyễn Khắc D, bà Phí Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số: AA/2021/0003343 ngày 23-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

Ủy ban nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái chưa nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại

phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại HN;
- Vụ GDKT I;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Lan**